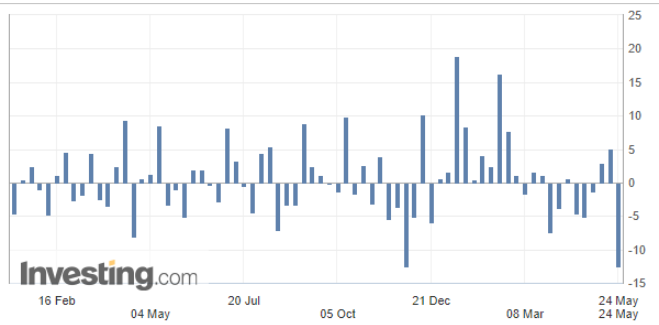


Điểm nhấn



Hàng tồn kho dầu Mỹ sụt giảm trong kỳ công bố gần nhất (Nguồn: Investing)

- Giá dầu Brent (+2,1% DoD):** Giá dầu Brent dần quay trở về mốc 80 USD/thùng trước những thông tin về nhu cầu phục hồi trong khi nguồn cung thắt chặt hơn. Những cảnh báo tới nhà đầu tư bán khống của bộ trưởng bộ năng lượng của Saudi Arabia đã làm gia tăng phỏng đoán OPEC+ sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng trong cuộc họp vào ngày 4/6/2023. Trong khi đó, số liệu chính thức từ Mỹ cho thấy hàng tồn kho dầu bị sụt giảm 12,456 triệu thùng dầu, lớn nhất trong 6 tháng gần đây.
- Giá cao su (-2,1% DoD):** Giá cao su giảm 3,3% vào ngày 24/5 và tiếp tục dao động dưới mốc 133 USD cents/kg, thấp nhất kể từ ngày 10/4 do những lo ngại về sự phục hồi chậm chạp của Trung Quốc và các rủi ro kinh tế toàn cầu.
- Giá bông (-3,2% DoD):** Giá bông giảm 3,2% vào ngày 24/5 và tiếp tục tích lũy ở vùng thấp trong bối cảnh nhu cầu sụt giảm, trong khi Ấn Độ - một trong các nguồn cung lớn – tiếp tục gia tăng xuất khẩu.

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Xu hướng giá của ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Dầu Brent	Suy yếu	Dầu khí	Tăng mạnh	BSR	D
				PVD	A
				PVS	C
Cao su	Hồi phục	Hóa chất	Suy yếu	DPR	B
				PHR	D
Bông	Hồi phục	Hàng cá nhân & Gia dụng	Giảm mạnh	MSH	C
				STK	C

Truy cập wetrade.dsc.com.vn để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

CHỈ SỐ VĨ MÔ

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
VNIndex	1,062	▼ -0.4%	Hồi phục	▲ 2.1%	▲ 12.1%	
S&P 500	4,115	▼ -0.7%	Hồi phục	▲ 3.7%	▲ 2.2%	
US 10Y	3.7	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -5.8%	▼ -0.0%	
Dollar Index	103.9	▲ 0.4%	Suy yếu	▼ -1.3%	▼ -1.8%	

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
BCOM index	100.6	▲ 0.1%	Suy yếu	▼ -4.7%	▼ -13.7%	
Baltic Dry Index	1,295	▼ -3.9%	Tăng mạnh	▲ 46.7%	▲ 4.3%	
Baltic Dirty Index	1,257	▼ -0.9%	Suy yếu	▼ -6.1%	▼ -38.2%	

GIÁ HÀNG HÓA

NĂNG LƯỢNG

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	78.4	▲ 2.1%	Suy yếu	▼ -5.3%	▼ -7.9%	
Dầu WTI	74.3	▲ 1.9%	Suy yếu	▼ -2.8%	▼ -4.8%	
Khí tự nhiên	2.4	▲ 4.3%	Suy yếu	▼ -5.9%	▼ -66.6%	
Than	160.3	▲ 0.2%	Suy yếu	▼ -23.4%	▼ -53.9%	

NÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Bông	81.7	▼ -3.2%	Hồi phục	▼ -3.7%	▼ -1.4%	
Cao Su	132.8	▼ -2.1%	Hồi phục	▼ -3.4%	▲ 4.8%	
Đường	25.5	▼ -1.2%	Suy yếu	▲ 19.8%	▲ 30.4%	
Gạo	16.6	▼ -0.6%	Suy yếu	▼ -2.4%	▼ -7.8%	
Heo hơi	58.3	▲ 0.2%	Hồi phục	▲ 15.0%	▲ 9.6%	
Lúa Mi	606.3	▼ -2.6%	Suy yếu	▼ -16.0%	▼ -23.5%	

KIM LOẠI

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Quặng Sắt	99.5	▼ -3.4%	Suy yếu	▼ -23.2%	▲ 0.5%	
Thép	3,538	▼ -1.6%	Suy yếu	▼ -16.0%	▼ -4.7%	
Thép HRC	936	▲ 0.2%	Suy yếu	▼ -13.6%	▲ 42.2%	
Vàng	1,957	▼ -0.9%	Tăng mạnh	▲ 8.1%	▲ 11.5%	

CÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Urea	357.0	▲ 0.0%	Giảm mạnh	▼ -6.1%	▼ -39.5%	
Nhôm	2,211	▼ -0.7%	Suy yếu	▼ -5.3%	▼ -6.6%	

Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của PVS (theo ngày)

Cổ phiếu

CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Hose

Động lượng

B – Điểm xu hướng “tốt”, đà tăng điểm mở rộng, khi cổ phiếu đã vượt qua vùng tích lũy kéo 9 tháng vừa qua.

Xu hướng kỹ thuật

PVS đã mở ra xu hướng tăng mới khi quyết liệt vượt cản xu hướng (giá 28). Tuy nhiên, bởi đà tăng có phần hứng phần trong ngắn hạn; các đường tín hiệu MACD hay đường trung bình động MA có tín hiệu phân kỳ tách xa nhau.

Tín hiệu ngắn hạn: Hai phiên giao dịch gần nhất xuất hiện râu nến phía trên dài, thể hiện áp lực chốt lời chủ động. Xác suất cao những chỉ báo kỹ thuật cần có sự cân bằng trở lại, tương đương với giá cần có sự chiết khấu, để bên mua tự tin hơn với vị thế mua lên.

- Khuyến nghị
- Điểm bán ưu tiên tại vùng giá 30
 - Điểm mua cover hàng: giá 28

BÁN

Chiến lược mua: NĐT chốt lời dần vị thế (quanh giá 30). Vùng cân bằng cung/cầu dự phóng quanh ngưỡng giá 28 (vùng kháng cự trung hạn trước đó của PVS).

Thời gian giao dịch kỳ vọng

1-2 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Đà tăng
D	D	B
Hành động		
Điểm bán		30
Điểm mua		28
Chỉ báo	Đánh giá	
MA	Phân kỳ dương	
RSI	Quá mua	
MACD	Phân kỳ dương	
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)		28
Hỗ trợ (2)		26.5
Kháng cự (1)		30
Kháng cự (2)		32.5

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (*) Ảnh hưởng nhẹ (**) Ảnh hưởng trung bình (***) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Dầu thô WTI Dầu thô Brent	Dầu khí (***); Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***); Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*)	Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*)
Khí tự nhiên	Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***); Hóa chất (Phân bón) (**)
Than	Than và nhiên liệu tiêu hao (***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***); Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)
Vàng	Hàng cá nhân & Gia dụng (**)	-
Thép Thép HRC	Tài nguyên cơ bản (***)	Xây dựng và vật liệu (**)
Quặng sắt	-	Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)
Cao su	Hóa chất (***)	Ô tô và phụ tùng (***)
Gạo	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)
Đường	Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)	-
Bông	Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)	Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)
Lúa mì	-	Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)
Heo hơi	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)	-
Cá tra	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Tôm	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Urea	Hóa chất (phân bón) (***)	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)
Nhôm	Hóa chất (phân bón) (**)	Xây dựng và vật liệu (*)
Phot pho vàng	Hóa chất (**)	Hóa chất (phân bón) (**)

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

Tiêu cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành